

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Kết luận số 88-KL/TU ngày 04/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) tại Hội nghị bất thường về lĩnh vực kinh tế - xã hội;

Căn cứ ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 194/HĐND ngày 31/12/2021 về thỏa thuận các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại các Văn bản: số 743/TTr-STC ngày 20/12/2021, số 738/TTr-STC ngày 20/12/2021, số 805/TTr-STC ngày 31/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

I. Phê duyệt chuyên tạm ứng thành cấp phát năm 2021 kinh phí phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 cho các cơ quan, đơn vị với số tiền **85.748 triệu đồng** (*chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo*).

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2021 theo quy định tại khoản 2, điều 2, Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

II. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn (*Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo Quyết định này*), cụ thể như sau:

1. Tạm ứng ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 (phần ngân sách trung ương hỗ trợ theo cơ chế quy định): **22.786 triệu đồng**.

2. Bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2021: **164.483 triệu đồng**, bao gồm:

a) Phần kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ theo cơ chế quy định với số tiền **14.652 triệu đồng**.

- Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí Trung ương đã bổ sung mục tiêu cho ngân sách địa phương tại Văn bản số 11311/BTC-NSNN ngày 01/10/2021 của Bộ Tài chính.

b) Phần kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ với số tiền **149.831 triệu đồng**, để thực hiện hỗ trợ các nội dung theo cơ chế như sau:

- Hỗ trợ 100% kinh phí hỗ trợ người lao động theo Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 08/8/2021 của UBND tỉnh; chi cho Tổ phòng, chống dịch Covid-19 cộng đồng theo Quyết định số 3554/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh.

- Hỗ trợ 100% đối với huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão; 70% đối với huyện Hoài Ân, Tây Sơn; 50% đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại kinh phí mua bộ xét nghiệm (test) nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 để tầm soát, phát hiện dịch bệnh trong cộng đồng trước ngày 01/10/2021.

- Hỗ trợ kinh phí mua bộ xét nghiệm (test) nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 để tầm soát, phát hiện dịch bệnh trong cộng đồng từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021 theo Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh.

* Nguồn kinh phí thực hiện:

- Dự phòng chi ngân sách tỉnh năm 2021 số tiền 76.880 triệu đồng (trong đó chuyển kinh phí đã tạm ứng theo Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh thành cấp phát số tiền 45.328 triệu đồng chi tiết cột số 7 phụ lục 02 kèm theo Quyết định này);

- 70% Quỹ dự trữ tài chính số tiền 38.856 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2021 số tiền 34.095 triệu đồng.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch

UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục 01

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)

DVT: đồng

TT	Đơn vị	Số kinh phí đã thực chi (theo nhiệm vụ của ngân sách địa phương)	trong đó:		Số kinh phí đề nghị chuyển tạm ứng thành cấp phát đợt này	Ghi chú
			Số kinh phí đã bố trí nguồn cho đơn vị	Số kinh phí đã tạm ứng ngân sách tỉnh		
A	B	I	2	3	4=3	
	Tổng cộng	146.602.124.361	60.854.016.509	85.748.107.852	85.748.107.852	
1	Sở Y tế	96.142.252.361	60.854.016.509	35.288.235.852	35.288.235.852	
2	Sở Văn hóa và Thể thao	74.200.000	-	74.200.000	74.200.000	
3	Sở Du lịch	345.772.000	-	345.772.000	345.772.000	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	39.900.000	-	39.900.000	39.900.000	
5	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh					Số kinh phí ngân sách tỉnh đã tạm ứng theo Quyết định số 4035/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh còn lại đề nghị hoàn trả ngân sách tỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
			Bổ sung mục tiêu đợt này	Số tạm ứng đợt này		Đã bổ sung theo Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh	Số còn lại	Bao gồm			
A	B	1 = 2+3	2	3	4	5	6 = 4-5 = 7+8	7	8	9	
	Tổng cộng	37.438	14.652	22.786	180.831	31.000	149.831	45.328	104.503	7.672	
1	Thành phố Quy Nhơn	6.615		6.615	40.185	5.000	35.185	7.000	28.185	-	
2	Thị xã An Nhơn	5.612		5.612	41.154	4.000	37.154	7.000	30.154	-	
3	Huyện Tuy Phước	4.284		4.284	13.506	3.500	10.006	5.000	5.006	-	
4	Huyện Tây Sơn	1.105	1.105	-	5.775	2.000	3.775	3.775	-	1.225	
5	Huyện Phù Cát	6.411	136	6.275	24.720	3.500	21.220	7.000	14.220	-	
6	Huyện Phù Mỹ	1.833	1.833	-	7.794	2.000	5.794	5.000	794	-	
7	Huyện Hoài Ân	1.808	1.808	-	3.633	3.000	633	633	-	4.367	
8	Thị xã Hoài Nhơn	8.693	8.693	-	36.564	3.500	33.064	7.000	26.064	-	
9	Huyện Vân Canh	486	486	-	1.764	1.500	264	264	-	1.736	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	378	378	-	3.580	1.500	2.080	2.000	80	-	
11	Huyện An Lão	213	213	-	2.156	1.500	656	656	-	344	